

Số: 191 /BC-UBND

Minh Long, ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn năm 2011 - 2015 và đề xuất phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017 - 2020

Thực hiện Quyết định số 52/QĐ-HĐND ngày 08/8/2016 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thành lập Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh để giám sát tình hình thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương theo Nghị quyết HĐND tỉnh giai đoạn 2011 - 2015. Ủy ban nhân dân huyện Minh Long báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Khái quát chung:

1. Khái quát sơ lược về đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương:

Minh Long là huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi có 05 đơn vị hành chính, tổng diện tích tự nhiên 21.689,69 ha, dân số trên 17.074 người, có hai dân tộc sinh sống kinh và Hre, trong đó dân tộc Hre chiếm hơn 70% dân số, mật độ dân số khoảng 70 người/km², sống thưa thớt và phân bố không đồng đều, người dân chủ yếu sản xuất, thu nhập từ nông, lâm nghiệp. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm khoảng 0,88- 0,9%. Số người nghèo bình quân theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 – 2015: 3.730 người, tỷ lệ nghèo 25,19%. Tốc độ tăng dân số giai đoạn 2011 - 2015: 0,9%. Số doanh nghiệp trên địa bàn 14 doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp địa phương.

- Giáo dục đào tạo: Tổng số giáo viên có mặt đến năm 2015 là 354 người, quỹ lương năm 2015 là 43.324 triệu đồng, tổng số học sinh trên địa bàn huyện 3.577 học sinh, trong đó: bậc mẫu giáo 1.191 học sinh, tiểu học 1.612 học sinh, THCS 774 học sinh.

- Tổng biên chế cấp huyện 105 người, trong đó: Quản lý nhà nước 66 người, Đảng 29 người, Đoàn thể 20 người. Quỹ lương cấp huyện 64.720 triệu đồng.

- Cán bộ, công chức cấp xã 106 người, cán bộ không chuyên trách cấp xã 92 người; cán bộ không chuyên trách thôn 172 người. Quỹ lương cấp xã 6.688 triệu đồng.

2. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia

các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương.

Thời kỳ ổn định ngân sách 2011 - 2016: UBND huyện triển khai thực hiện đúng theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh và thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương hàng năm theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh, định mức chi thường xuyên hàng năm thực hiện theo chỉ tiêu biên chế hiện có, các chỉ tiêu khác cơ bản thực hiện theo Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

3. Những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện công tác quản lý thu, chi ngân sách theo cơ chế phân cấp hiện nay; bất cập trong việc áp dụng hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên.

3.1 Kết quả đạt được:

- Tạo sự chủ động cho địa phương trong công tác xây dựng dự toán, phân bổ ngân sách hàng năm.

- Hệ thống tiêu chí phân bổ cụ thể rõ ràng, minh bạch, dễ tính toán, đảm bảo tính công bằng, hợp lý trong phân bổ ngân sách nhà nước.

- Tổ chức thực hiện đúng quy trình theo Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo được công bằng, minh bạch trong việc phân bổ ngân sách cho đơn vị sử dụng ngân sách, đáp ứng nhu cầu sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3.2. Khó khăn, bất cập trong việc thực hiện công tác quản lý thu, chi ngân sách theo cơ chế phân cấp hiện nay và việc áp dụng hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên.

Tuy nhiên, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN theo Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn một số hạn chế như:

- Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh được áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2011 - 2015 (*định mức ban hành được tính theo mức lương cơ sở là 730.000đ/tháng*). Qua 05 năm (2011 - 2015) triển khai thực hiện định mức chi thường xuyên của NSNN, nhìn chung chỉ đảm bảo cho những năm đầu của thời kỳ ổn định (2011 - 2015), dần về các năm cuối với định mức phân bổ để thực hiện mục tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh hầu hết đều thấp so với nhiệm vụ được giao. Mặt khác trong thời kỳ ổn định ngân sách một số chế độ phát sinh ngoài thời kỳ ổn định ngân sách được tỉnh cho phép chi, nhưng nguồn chi nhiệm vụ phát sinh cấp nào thì ngân sách cấp đó tự cân đối chi trả, trong khi đó nguồn thu hàng năm tỉnh giao huyện thu có năm thu không đạt, nên việc cân đối chi trả các khoản phát sinh là rất khó cho huyện.

- Định mức phân bổ chi cho quản lý hành chính, sự nghiệp văn hóa thông tin, quốc phòng, an ninh đều thấp không đảm bảo theo nhiệm vụ thực tế phát sinh, hàng năm khi phân bổ ngân sách đều vượt so với định mức được giao, UBND huyện phải dùng nguồn sự nghiệp kinh tế và các nguồn sự nghiệp khác cân đối phân bổ để thực hiện.

- Định mức phân bổ cho sự nghiệp giáo dục yêu cầu phải đảm bảo 80% chi lương và các khoản theo lương, 20% chi hoạt động (*tính theo mức lương cơ sở 730.000 đồng*) áp dụng cho những năm cuối thời kỳ ổn định ngân sách, không còn phù hợp để đảm bảo nhiệm vụ chi, do nhiều chính sách, chế độ liên quan đến ngành giáo dục thay đổi.

- Định mức phân bổ lĩnh vực chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường chỉ đủ chi cho con người chưa đảm bảo kinh phí để thực hiện nâng cấp, duy tu sửa chữa các hạng mục công trình giao thông thủy lợi, ... để phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng huyện nhà.

- Kinh phí khen thưởng: Để phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh đòi hỏi các ngành phải nỗ lực phấn đấu thi đua trong thực hiện nhiệm vụ, dẫn đến nguồn kinh phí khen thưởng rất lớn. Tuy nhiên trong thời kỳ ổn định ngân sách 2011 - 2015 kinh phí khen thưởng không được tính theo định mức phân bổ chi thường xuyên, do đó UBND huyện phải tự cân đối cắt giảm các lĩnh vực khác để đảm bảo kinh phí khen thưởng hàng năm, nhằm động viên tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

II. Đánh giá tình hình thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2011 – 2015:

1. Tình hình thu, chi ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2011 đến năm 2015:

a) Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 30.292 triệu đồng đạt 126% so sánh với dự toán HĐND tỉnh giao; tốc độ tăng bình quân thu ngân sách 11,22%. Trong đó: phần ngân sách huyện được hưởng 10,41% so sánh với dự toán HĐND tỉnh giao. *Nguyên nhân thu vượt dự toán HĐND tỉnh giao chủ yếu thu từ nguồn sử dụng đất hàng năm.*

b) Tổng chi cân đối ngân sách địa phương trên địa bàn 813.222 triệu đồng đạt 165% so sánh với dự toán HĐND tỉnh giao, tốc độ tăng bình quân chi ngân sách 8,52%.

Dự toán UBND tỉnh giao nhiệm vụ thu, chi cho UBND huyện thời kỳ ổn định ngân sách năm 2011-2015 đảm bảo, chính xác với nội dung dự toán được HĐND tỉnh quyết định. HĐND huyện quyết định phân bổ dự toán thu, chi và phương án phân bổ ngân sách hàng năm đúng với dự toán HĐND tỉnh quyết định. (*Chi tiết theo Phụ lục 1 và 2*)

2. Về nguyên tắc phân cấp:

a) *Việc chấp hành thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi gắn với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội.*

Thực hiện Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND tỉnh về phân cấp nguồn thu. Hầu như các khoản thu để lại tại ngân sách huyện, ngân sách xã hưởng 100% và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ cho NS huyện, xã. HĐND huyện cân đối ngay từ khi giao dự toán để thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh.

b) Khả năng cân đối của ngân sách địa phương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT-XH, an ninh quốc phòng giai đoạn 2011-2015 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đã quyết định.

Trong thời gian ổn định ngân sách 2011-2015. Nguồn kinh phí UBND huyện thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách cấp trên. Nguồn thu ngân sách trên địa bàn quá hẹp. Huyện yêu cầu các đơn vị, UBND các xã căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2015, cần rà soát sắp xếp các khoản chi theo hướng tiết kiệm, hiệu quả và cụ thể đối với từng lĩnh vực chi, trong đó cần tập trung nguồn lực bảo đảm các lĩnh vực chi giáo dục - đào tạo, y tế, an ninh, quốc phòng, văn hóa thông tin, sự nghiệp môi trường theo các Nghị quyết của Đảng, bảo đảm an sinh xã hội; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; thực hiện các kế hoạch trọng tâm, trọng điểm.

3. Đánh giá về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2011).

Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi hiện nay cơ bản phù hợp và tác động tích cực đến việc quản lý, khai thác nguồn thu và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện, thu ngân sách cơ bản hoàn thành dự toán tỉnh giao hàng năm (*năm 2011 đạt 129%, năm 2012 đạt 128%, năm 2013 đạt 162%, năm 2014 đạt 118%, năm 2015 đạt 110%*). Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, khó khăn như: Tỷ lệ phân chia % các khoản thu ngân sách huyện hưởng chỉ đủ cân đối chi ngay từ khi giao dự toán, phần thu vượt dự toán chủ yếu từ nguồn thu tiền sử dụng đất. Nguồn thu từ tiền sử dụng đất của huyện không ổn định (*Quỹ đất của huyện không có*).

Về nhiệm vụ chi thường xuyên của huyện: Một số khoản chi đã phân cấp cho ngân sách huyện đảm bảo chi, nhưng thực tế một số khoản chi phát sinh sau năm 2011 huyện chưa chủ động cân đối ngân sách cho nhiệm chi phát sinh trong thời kỳ ổn định ngân sách, đề nghị ngân sách tỉnh quan tâm hỗ trợ.

III. Đánh giá tình hình thực hiện định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên, giai đoạn 2011 – 2015:

1. Về việc chấp hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trong công tác lập và phân bổ dự toán.

Về xây dựng dự toán và phân bổ dự toán chi ngân sách hàng năm: Căn cứ dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu ngân sách huyện được hưởng theo quy

định của UBND tỉnh về tỷ lệ điều tiết cho thời kỳ 2011 - 2015; số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, được ổn định trong thời kỳ ngân sách 2011 - 2015; căn cứ phân cấp nhiệm vụ chi của ngân sách, đồng thời căn cứ nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, giai đoạn 2011 - 2015; các chế độ, chính sách chi tiêu hiện hành và tình hình thực tế; UBND huyện tiến hành xây dựng dự toán và phân bổ dự toán chi ngân sách cụ thể theo từng nhiệm vụ chi đảm bảo đúng quy định và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đảm bảo định mức phân bổ ngân sách đối với các nhiệm vụ chi quan trọng (*lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề, môi trường, dự phòng ngân sách*) không thấp hơn mức yêu cầu của UBND tỉnh giao.

2. Kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân về định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2011-2015

Định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2011 - 2015 theo Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND cơ bản phù hợp với tình hình thực tế về nguồn lực ngân sách, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

Định mức phân bổ ngân sách với hệ thống tiêu chí phân bổ ngân sách cụ thể, rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện, dễ kiểm tra...; đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai và minh bạch trong phân bổ ngân sách địa phương.

Tuy nhiên, định mức phân bổ ngân sách nhà nước theo Quyết định số 33/2010/QĐ-UBND vẫn còn một số giới hạn như tiêu chí chưa bao quát hết các lĩnh vực chi, mức chi vẫn còn eo hẹp, chưa đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà nước đã ban hành. Cụ thể như sau:

a) Cấp huyện:

- Tiêu chí phân bổ chưa bao quát hết các lĩnh vực chi, chưa đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà nước ban hành trong thời kỳ ổn định; số ấn định cho các tiêu chí là chưa phù hợp, mức chi còn thấp so với nhu cầu thực tế của địa phương. Định mức phân bổ chưa tính yếu tố trượt giá, chưa mang tính dự báo để ứng phó với sự chuyển biến của kinh tế thị trường như suy giảm kinh tế; lạm phát... Do đó, định mức phân bổ chỉ phù hợp cho năm đầu tiên của giai đoạn, những năm tiếp theo phải bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, làm hạn chế tính chủ động trong điều hành ngân sách của huyện. Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương có khác nhau; Nghị quyết về nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương ở từng thời điểm cũng khác nhau, nên việc bổ sung số cân đối ngân sách cho huyện cố định cho cả giai đoạn ổn định ngân sách sẽ không đáp ứng kịp thời nhu cầu của huyện. Trong thời kỳ ổn định, nhiều chế độ, chính sách phải sửa đổi, bổ sung, hoặc ban hành mới để phù hợp với tình hình thực tế, dẫn đến phát sinh nhu cầu chi tăng thêm; nhưng việc giao dự toán chi theo định mức ổn định, bổ sung ngân sách cho nhiệm vụ chi tăng thêm không đảm bảo kịp thời, gây khó khăn cho việc cân đối nguồn ngân sách huyện, làm giảm hiệu quả của chế độ, chính sách mới. Tiêu chí phân bổ theo mối quan hệ tỷ lệ giữa chi tiền lương và chi cho hoạt động lại cố định ở mức lương cơ sở của năm

đầu giai đoạn ổn định, do đó, chi hoạt động những năm tiếp theo không tăng, không đáp ứng kịp thời nhu cầu chi thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ngày càng tăng tại địa phương. Cụ thể như:

- Định mức phân bổ chi quản lý hành chính: phân bổ theo tiêu chí dân số và đơn vị hành chính nhưng đảm bảo bổ sung đủ theo tỷ lệ chi quỹ lương, hoạt động là 70% - 30%. Tuy nhiên, tỷ lệ 30% cố định theo năm đầu tiên của giai đoạn ổn định nên những năm tiếp theo không còn đảm bảo tỷ lệ 30%, do tăng biên chế, tăng lương cơ sở, tăng hệ số lương. Mặt khác, hàng năm còn phải thực hiện tiết kiệm 10% - 20% chi thường xuyên đã làm ảnh hưởng đến hoạt động chi của các đơn vị.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục: phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1-18 tuổi và đảm bảo bổ sung đủ theo tỷ lệ chi quỹ lương - hoạt động là 80% - 20%. Tuy nhiên, tỷ lệ 20% cố định theo năm đầu tiên của giai đoạn ổn định nên những năm tiếp không còn đảm bảo tỷ lệ 20%, do quỹ tiền lương tăng (*lương cơ sở tăng hoặc tăng hệ số lương tăng ...*). Ngoài ra, tỷ lệ 20% cũng chưa cơ cấu các loại phụ cấp thâm niên nhà giáo, phụ cấp thêm giờ, thêm buổi..., chưa kể nguồn thu học phí và chịu ảnh hưởng do thực hiện chế độ miễn, giảm theo quy định nên không đảm bảo cho các cơ sở giáo dục hoạt động.

- Các định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh, truyền hình, đảm bảo xã hội: Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số chưa phù hợp, chưa đảm bảo nhu cầu chi của huyện; các chế độ, chính sách mới ban hành chưa được cơ cấu vào định mức.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế: Phân bổ theo mức bằng 8,5% chi thường xuyên các lĩnh vực là chưa đảm bảo nhu cầu chi của địa phương, đặc biệt là nhu cầu chi cho giao thông, thị chính, duy tu, bảo dưỡng, phát triển đô thị (*cây xanh, đèn đường, vỉa hè, chiếu sáng...*), nông thôn, thủy lợi của địa phương là cần thiết.

- Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh: Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số. Tuy nhiên, tiêu chí này chưa phù hợp, mức phân bổ của tỉnh so với nhu cầu thực tế của huyện chưa đảm bảo do thường xuyên phát sinh nội dung chi đột xuất với nhu cầu kinh phí rất lớn như: diễn tập khu vực phòng thủ, huấn luyện dân quân tự vệ, các chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ, thực hiện “Đề án nâng cao chất lượng công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở các địa bàn các xã giai đoạn 2011-2015”...

b) Cấp xã:

- Định mức phân bổ chi quản lý hành chính: Định mức phân bổ theo cán bộ công, công chức xã theo vùng miền núi là 36 triệu đồng/ biên chế/năm, định mức cho những người hoạt động bán chuyên trách xã, thôn là 11 triệu/ người/ năm. Định mức này không đảm bảo nữa do tăng biên chế, tăng lương cơ sở, tăng hệ số lương. Mặt khác, hàng năm còn phải thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh; sự nghiệp văn hoá thông tin; sự nghiệp thể dục thể thao; sự nghiệp đảm bảo xã hội; sự nghiệp môi trường; chi thường xuyên khác; dự phòng ngân sách, chưa đảm bảo nhu cầu chi của địa phương.

3. Tình hình chi thường xuyên ngân sách địa phương trong thời kỳ ổn định từ năm 2011 – 2015.

Tổng kinh phí chi thường xuyên giai đoạn 2011 - 2015: 400.029 triệu đồng đạt 189,57% so với dự toán tỉnh giao, trong đó kinh phí tự chủ 84.871 triệu đồng đạt 99,2% so với dự toán giao, kinh phí không tự chủ 315.158 triệu đồng đạt 247,7% dự toán giao. Nguyên nhân chi vượt dự toán giao đầu năm: một số nhiệm vụ phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán như chương trình mục tiêu (*sự nghiệp 30a, kinh phí cấp bù thủy lợi phí, kinh phí cải cách tiền lương, kinh phí theo Nghị định 116., phụ cấp công vụ, ...*) (Số liệu chi tiết theo Phụ lục 3).

IV. Kết quả thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện giai đoạn 2011 – 2015 .

Tổng kinh phí tiết kiệm giai đoạn 2011- 2015 là: 3.572 triệu đồng; thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ, công chức 188 ngàn đồng/ tháng; đơn vị Thanh tra huyện có thu nhập tăng thêm cao nhất 1.170 ngàn đồng/ người/ tháng; trung tâm phát triển quỹ đất có thu nhập tăng thêm thấp nhất 21 ngàn đồng/người/ tháng. Kinh phí tiết kiệm từ nguồn tự chủ của các đơn vị dự toán để thực hiện chi hỗ trợ các ngày lễ lớn trong năm, hỗ trợ ốm đau ..., phần kinh phí còn lại cuối năm các đơn vị tính tăng thu nhập.

V. Đề xuất, kiến nghị và định hướng xây dựng phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách mới.

Trên cơ sở phân tích ưu, nhược điểm của hệ thống định mức nêu trên; căn cứ Luật NSNN và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Ủy ban Nhân dân huyện đề xuất, kiến nghị một số lĩnh vực cụ thể như sau:

1. Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách:

Tiếp tục theo Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND tỉnh và bổ sung một số khoản thu phí và lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí 97/2015/QH13.

2. Định mức phân bổ chi thường xuyên.

Định mức phân bổ được xác định cho năm đầu tiên thời kỳ ổn định ngân sách, đối với các năm tiếp theo trong chu kỳ nên tính đến yếu tố trượt giá hàng năm. Kiến nghị một số lĩnh vực cụ thể như sau:

- Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể: Đề nghị phân bổ tăng để đảm bảo chi cho những người hoạt động không chuyên trách.

- Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: Hàng năm được điều chỉnh mức chi hoạt động chuyên môn đảm bảo tối thiểu 20% tổng chi sự nghiệp giáo dục tính theo quỹ tiền lương thực tế (*không kể kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở theo quy định*). Chi sự nghiệp đào tạo: nâng định mức phân bổ cho phù hợp với nhu cầu của địa phương.

- Định mức chi sự nghiệp văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh, truyền hình, đảm bảo xã hội: Nâng định mức chi cho phù hợp với từng địa phương để đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của nhà nước đã ban hành.

- Định mức chi quốc phòng, an ninh: Tăng định mức chi cho phù hợp để đảm bảo các nhiệm vụ chi phục vụ công tác quốc phòng, an ninh, nhất là thực hiện các đề án, kế hoạch của lĩnh vực này.

- Định mức chi sự nghiệp kinh tế: Phân bổ tối thiểu 20% tổng dự toán chi thường xuyên để đảm bảo tiến trình phát triển đô thị, xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới và các nhiệm vụ quy hoạch đã phân cấp cho ngân sách địa phương thực hiện.

- Định mức chi sự nghiệp hoạt động môi trường: Tăng định mức chi đối với lĩnh vực này nhằm đáp ứng các hoạt động quản lý môi trường ở địa phương hiện nay.

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách: Nâng định mức phân bổ tối thiểu theo tỷ trọng từ 0,4% -1% tổng các khoản chi thường xuyên; đồng thời, cơ cấu các khoản chi khen thưởng, cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin và các khoản chi khác.

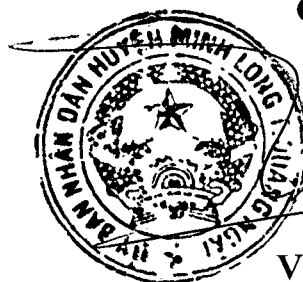
- Đối với các nhiệm vụ chi mới phát sinh cần bổ sung vào hệ thống định mức phân bổ mới áp dụng cho giai đoạn 2017 - 2020. Trường hợp phát sinh thêm nhiệm vụ chi sau khi hệ thống định mức mới có hiệu lực, bổ sung vào hệ thống định mức phân bổ ở giai đoạn tiếp theo.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách giai đoạn năm 2011 - 2015 và đề xuất phương án phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách năm 2017 - 2020 của UBND huyện Minh Long./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT;
- Phòng TC-KH;
- VP: PCVP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Võ Đình Tiên

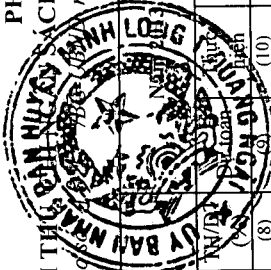
PHỤ LỤC SỐ 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2011-2015

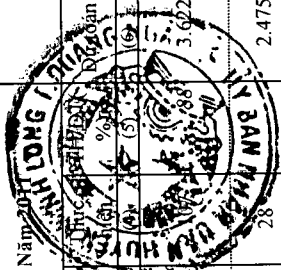
(Kèm theo Báo cáo ngày 29/8/2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Minh Long)

ĐV: Tỷ đồng

Số TT	Chi tiêu chủ yếu	Năm 2011				Năm 2012				Năm 2014				Năm 2015				Giai đoạn 2011 - 2015				Tốc độ tăng b/q cả giai đoạn (%)	
		Dự toán (3)	Thực hiện (4)	TH/DT (%) (5)	Dự toán (6)	Thực hiện (7)	NH/DT (%) (8)	TH/DT (%) (9)	Dự toán (10)	Thực hiện (11)	TH/DT (%) (12)	Dự toán (13)	Thực hiện (14)	TH/DT (%) (15)	Dự toán (16)	Thực hiện (17)	TH/DT (%) (18)	Dự toán (19)	Thực hiện (20)	Dự toán (21)	Thực hiện (22)		
1	Tổng thu ngân sách nhà nước	3.000	3.860	129	4.420	5.679	128	3.760	6.086	162	6.268	7.409	118	6.620	7.258	110	24.068	30.292	126	15.04	11.22		
	Trong đó, Thu nội địa	3.000	3.860	129	4.420	5.679	128	3.760	6.086	162	6.268	7.409	118	6.620	7.258	110	24.068	30.292	126	15.04	11.22		
	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	1.600	1.829	114	1.980	2.893	146	1.900	3.192	168	3.278	3.219	98	2.950	3.017	102	11.708	14.150	121	11.53	8.40		
	Thuế thu nhập cá nhân	45	64	142	65	101	155	50	106	212	50	140	280	120	225	188	330	636	193	22.73	25.31		
	Lệ phí trước bạ	200	429	215	500	509	102	450	646	144	650	349	54	500	421	84	2.300	2.354	102	13.04	-0.34		
	Thuế sử dụng đất NN	80	111	139	0												80	111	139				
	Thuế nhà đất	4	4	100	0	90											4	94	2.350				
	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	1	1	100	1	38	3.800	0	4								2	43	2.150				
	Thu phí, lệ phí	220	258	117	352	412	117	120	276	230	420	379	90	400	412	103	1.512	1.737	115	11.90	8.87		
	Thu tiền sử dụng đất	600	555	93	1.292	1.262	98	700	703	100	950	2.039	215	1.450	1.341	92	4.992	5.900	118	17.03	13.32		
	Thu tại xã	80	166	208	80	141	176	390	181	46	170	208	122	200	168	84	920	864	94	13.04	0.23		
	Thu khác ngân sách	170	443	261	150	233	155	150	978	652	750	1.075	143	1.000	1.674	167	2.220	4.403	198	37.39	27.96		
2	Tổng thu ngân sách huyện	10.491	10.231	98	26.087	23.931	92	4.012	28.315	706	50.680	50.905	100	29.505	29.090	99	120.775	142.472	118	15.74	13.24		
2.1	Trong đó: Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.395	2.135	89	6.097	3.722	61	4.012	3.395	85	4.587	4.752	104	4.425	4.010	91	21.516	18.014	84	9.43	10.41		



Số TT	Chi tiêu chủ yếu	Năm 2012				Năm 2013				Năm 2014				Năm 2015				Tốc độ tăng b/q cả giai đoạn (%)	
		Thực hiện		TH/DT (%)	Dự toán	Thực hiện		TH/DT (%)	Dự toán	Thực hiện		TH/DT (%)	Dự toán	Thực hiện		TH/DT (%)	Dự toán	(21)	(22)
		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)				
(1)	(2)																		
	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	2.395	60	1.092	1.727	1,58	2.633	2.936	112	1.690	2.215	131	11.432	11.176	98	-6.17	0.97		
	b	2.475	62	2.920	1.668	57	1.954	1.816	93	2.735	1.795	66	10.084	6.838	68	27.12	25.84		
2.2	Thu Chuyển nguồn	6.873	100	17.246	20.197		39.120	39.120	100	18.219	18.219		81.458	101.655	125	13.93	11.16		
2.3	Thu kết dư	1.223	100	2.744	4.460		6.973	6.973	100	6.861	6.861		17.801	22.261	125	31.67	25.33		
2.4	Thu nộp ngân sách cấp trên			219	263			60					0	542			0.00		
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	66.457	149	98.987	153.185	161	109.865	161.741	147	127.809	162.127	127	475.780	707.213	149	12.90	8.93		
a	Bổ sung cân đối	66.457	99	65.822	66.150	97	98.818	98.818	100	110.903	110.153	99	411.728	406.390	99	10.79	10.91		
b	Bổ sung có mục tiêu			33.165	87.035	318	11.047	62.923	570	16.906	51.974	307	64.052	300.823	470	26.39	6.25		
4	Tổng chi ngân sách huyện	68.852	155	106.473	174.526	182	114.452	205.786	180	132.784	175.793	132	491.781	813.222	165	13.00	8.52		
	Trong đó, chi cân đối ngân sách huyện												0	0					
a	Chi đầu tư phát triển	7.578	95	7.181	12.613	128	8.846	35.257	399	9.596	13.097	136	47.012	80.209	171	4.29	7.38		
b	Chi sự nghiệp	61.274	162	99.292	161.913	188	105.606	170.529	161	123.188	162.696	132	444.769	733.013	165	13.92	8.65		
5	Chiêng lịch thu, chi ngân sách huyện, thành phố			2.745	6.974		46.093	6.860			15.424			36.463					



PHỤ LỤC SỐ 02
PHƯƠNG ANH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
 (Kèm theo Báo cáo UBND ngày 29/8/2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Minh Long)



ĐV: Tỷ đồng

Số TT	Chi tiêu chủ yếu	Năm 2011			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Giai đoạn 2011-2015			Tốc độ tăng b/q cả giai đoạn (%)		
		Dự toán (3)	Thực hiện (4)	TH/DT (%) (5)	Dự toán (6)	Thực hiện (7)	TH/DT (%) (11)	Dự toán (12)	Thực hiện (13)	TH/DT (%) (14)	Dự toán (15)	Thực hiện (16)	TH/DT (%) (17)	Dự toán (18)	Thực hiện (19)	TH/DT (%) (20)	Dự toán (21)	Thực hiện (22)	
(1)	(2)																		
	Tổng chi NSDP	68.852	90.764	132	79.835	175.143	177	114.452	205.786	180	132.784	178.393	134	494.371	824.610	167	12.9	10.6	
	Trong đó, Chi cân đối NSDP																		
I	Chi đầu tư phát triển	7.578	7.181	95	11.146	12.061	138	8.846	35.257	399	9.596	13.097	136	46.312	80.209	173	4.4	7.4	
	1. Chi đầu tư XDCB	7.578	7.181	95	11.146	12.061	138	8.846	35.257	399	9.596	13.097	136	46.312	80.209	173	4.4	7.4	
	2. Chi đầu tư phát triển khác										0			0					
II	Chi thường xuyên	61.274	83.583	136	68.689	163.082	181	105.606	170.529	1535	123.188	165.296	134	448.059	744.401	166	13.8	11.0	
1	Trợ giá trợ cước	603	1.253	208	603	1.028	170	603	659	109	603	1.300	216	3.015	5.718	190	0.0	0.8	
2	SN Kinh tế	3.680	18.074	491	2.658	9.887	366	4.186	15.212	363	4.217	8.983	213	17.767	63.237	356	3.0	-14.4	
3	SN môi trường	559	742	133	337	0	81	620	1.916	309	718	1.572	219	2.837	4.721	166	5.6	17.6	
4	SN giáo dục đào tạo	28.611	26.421	92	30.155	47.182	146	41.391	57.596	139	50.530	59.787	118	184.084	239.678	130	11.9	13.9	
5	SN Y tế	0	0	0	0	0	0				0			0					
6	SN Khoa học CN	0	0	0	0	0	0				0			0					
7	SN VH TT và Du lịch	815	863	106	897	1.040	114	1.345	1.963	146	1.710	1.623	95	5.933	6.824	115	15.1	11.1	
8	SN PT truyền hình	605	723	120	643	1.031	135	959	959	100	1.230	1.564	127	4.129	5.208	126	15.1	16.1	
9	Chi đảm bảo xã hội	2.516	1.984	79	2.700	4.757	182	2.878	1.996	69	3.478	2.462	71	14.450	16.451	114	6.7	2.9	

PHỤ LỤC SỐ 03

TÌNH HÌNH CHI TIẾT QUẢN LÝ XUYỂN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2015
(Kèm theo Báo cáo số 03/UBND ngày 29/8/2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Minh Long)

ĐV: Tỷ đồng

STT	Cơ sở để phân bổ NS		Kinh phí chi sự nghiệp												
	Biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt/Biên chế có mặt	Dân số	Khác	Kinh phí tự chủ	KP không tự chủ	Tổng số	SN Kinh tế	SN môi trường	SN giáo dục đào tạo	SN Y tế	SN Khoa học CN	SN VHHT và Du lịch	SN PT truyền hình	Chi đảm bảo xã hội	An ninh-quốc phòng
1	Năm 2011	459		23.217	8.807	14.410	38.057	3.680	599	28.611	0	0	605	2.516	1.231
2	Năm 2012	518		33.452	8.728	24.724	50.131	18.074	742	26.421	0	0	723	1.984	1.324
3	Năm 2013	511		97.294	15.270	82.024	65.788	9.887	0	47.182	0	0	1.031	4.757	1.891
4	Năm 2014	519		92.570	19.705	72.865	69.341	11.081	491	48.692	0	0	931	5.252	1.559
5	Năm 2015	518		88.964	20.884	68.080	81.565	15.212	1.916	57.596	0	0	959	1.996	1.923
	Tổng 2011-2015			400.029	84.871	315.158	344.372	63.237	4.721	239.678	0	0	5.208	16.451	8.253
	Thực hiện			87.749	20.284	67.465	77.547	8.983	1.572	59.787	0	0	1.564	2.462	1.556
	Dự toán			60.235	20.284	39.951	62.953	4.217	718	50.530	0	0	1.230	3.478	1.070
	Thực hiện			87.749	20.284	67.465	77.547	8.983	1.572	59.787	0	0	1.564	2.462	1.556
	Tổng 2011-2015			212.767	85.531	127.236	235.292	17.767	2.877	184.084	0	0	5.933	14.450	6.052
	Dự toán			212.767	85.531	127.236	235.292	17.767	2.877	184.084	0	0	5.933	14.450	6.052
	Thực hiện			400.029	84.871	315.158	344.372	63.237	4.721	239.678	0	0	6.824	16.451	8.253